

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/03/2021

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2614/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc: **“Tranh chấp ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXX-ST ngày 08/03/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Minh Ng, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 521/1, khu phố 6, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phạm Duy T, sinh năm 1986

Địa chỉ: 521/1, khu phố 6, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Ng, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị Minh Ng trình bày: bà và ông Phạm Duy T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Gi, huyện Th, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính cách không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên cả hai thường xuyên cãi vã nhau, không ai quan tâm đến ai. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên là Phạm Phương A, sinh ngày: 23/07/2017. Ly hôn bà xin nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông Tân cấp dưỡng.

Về tài sản chung+ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Phạm Duy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Phạm Thị Minh Ng xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà Ng xin ly hôn ông không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: có 01 cháu tên là Phạm Phương A, sinh ngày: 23/07/2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông đồng ý giao con cho bà Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung+ nợ chung: không có

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Minh Ng. Cho bà Phạm Thị Minh Ng được ly hôn với ông Phạm Duy T.

+ Về con chung: có 01 cháu tên là là Phạm Phương A, sinh ngày: 23/07/2017. Ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu A cho bà Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: bà Ng phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Minh Ng và ông Phạm Duy T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng, ông T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh Ng và ông Phạm Duy T tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Gi, huyện Th, tỉnh Đồng Nai nên xác định quan hệ hôn nhân của bà Ng, ông T là hợp pháp. Nay bà Ng xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Ng: bà Ng xin ly hôn với ông T với lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính cách không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên cả hai thường xuyên cãi vã nhau, không ai quan tâm đến ai. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn. Về phía ông T cũng xác nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà Ng xin ly hôn ông không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Ng là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ bản thân ông T cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2017 nên có hàn gắn đoàn tụ ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng, cho bà Ng được ly hôn với ông T là phù hợp.

[4] Về con chung: có 01 cháu tên là Phạm Phương A, sinh ngày: 23/07/2017. Ly hôn bà Ng có nguyện vọng nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về phía ông T cũng đồng ý với yêu cầu của bà Ng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ng, giao cháu Phạm Phương A, sinh ngày: 23/07/2017 cho bà Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà Ng ông T khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Minh Ng. Bà Phạm Thị Minh Ng được ly hôn với ông Phạm Duy T.

2. Về con chung: có 01 cháu tên là Phạm Phương A, sinh ngày: 23/07/2017. Ly hôn giao cháu Phương A cho bà Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Ng phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007652 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND thành phố B(2);
- THA Dân sự thành phố B(1);
- TP B, tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND xã Gi, H Th, tỉnh Đồng Nai.
- Đương sự (2)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mộng Hà